

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 25

Ông Nguyễn Văn Hùng Chủ tịch (Đã ký ngày 03/03/2017)
Ông Nguyễn Văn Hùng Chủ tịch (Đã ký ngày 03/03/2017)
Ông Trần Quốc Uy Phó Chủ tịch (Đã ký ngày 03/03/2017)
Ông Lê Anh Tuấn Ủy viên (Đã ký ngày 03/03/2017)
Ông Vũ Tiến Ngọc Ủy viên (Đã ký ngày 03/03/2017)
Ông Nguyễn Anh Đăng Ủy viên (Đã ký ngày 03/03/2017)
Ông Nguyễn Đình Công Ủy viên (Đã ký ngày 03/03/2017)
Ông Lê Thị Lan Hòa Ủy viên (Đã ký ngày 03/03/2017)

BAN QUẢN ĐỐC

Các thành viên Ban Quản đốc Công ty đã được thành lập Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính

Ông Ngô Văn Hùng Tổng Giám đốc (Đã ký ngày 03/03/2017)
Ông Nguyễn Đình Công Tổng Giám đốc (Đã ký ngày 03/03/2017)
Ông Trần Quốc Uy Phó Tổng Giám đốc (Đã ký ngày 03/03/2017)

CÁC BƯỞI VIỆN BAO NHIỆM KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 2/2017, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp số thuế GTGT để chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp mình đã sở hữu mới là Công ty Cổ phần Phần An Việt Nam. Người vợ kiêm chủ, đồng thời là chủ của Ban Giám đốc, và các các nhà quản lý khác đều không có sự liên hệ thường xuyên với cơ quan thuế số 03/03/2017. Các thành viên Ban Quản đốc và các thành viên Ban Giám đốc của Công ty cần phải phải thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Các báo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Mạng Kiểm toán CPA và thành viên của CPA Vietnam.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thành An 77 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thành An 77 (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ xí nghiệp Xi măng 77 theo quyết định số 153/2004/QĐ-BQP ngày 23 tháng 11 năm 2004 của Bộ Quốc Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0700100257, đăng ký lần đầu ngày 05/03/2008, sửa đổi lần 08 ngày 05/05/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp.

Trụ sở đăng ký của Công ty đặt tại: Xã Liên Sơn, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ông	Ngô Mạnh Hùng	Chủ tịch (Đến ngày 03/4/2017)
Bà	Bùi Thị Nguyên Hạnh	Chủ tịch (Từ ngày 04/4/2017)
Ông	Trần Quốc Uy	Phó chủ tịch (Đến ngày 03/4/2017)
Ông	Cao Anh Tuấn	Ủy viên (Đến ngày 03/4/2017)
Ông	Vũ Tiến Nghĩa	Thành viên (Từ ngày 04/4/2017)
Ông	Nguyễn Anh Dũng	Thành viên (Từ ngày 04/4/2017)
Ông	Nguyễn Đình Công	Thành viên (Từ ngày 04/4/2017)
Bà	Lê Thị Lan Hòa	Thành viên (Từ ngày 04/4/2017)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ông	Ngô Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc (Đến ngày 03/4/2017)
Ông	Nguyễn Đình Công	Tổng Giám đốc (Từ ngày 04/4/2017)
Ông	Trần Quốc Uy	Phó Tổng Giám đốc (Đến ngày 03/4/2017)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Tháng 2/2017, Cổ đông nhà nước chiếm tỷ lệ sở hữu 51% đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn của mình cho cổ đông mới là Công ty Cổ phần Fujisan Việt Nam. Ngoài sự kiện trên, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Đình Công
Tổng Giám đốc

Hà Nam, ngày 07 tháng 4 năm 2017

Số: 386/2017/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
của Công ty Cổ phần Thành An 77**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thành An 77**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thành An 77, được lập ngày 07 tháng 4 năm 2017, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không tham dự chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho, tài sản cố định của công ty tại thời điểm 31/12/2015 và 31/12/2016 do chúng tôi được bổ nhiệm là Kiểm toán viên sau ngày này, chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng các thủ tục này không giúp chúng tôi thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán theo yêu cầu của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về tính hiện hữu và giá trị của các khoản mục nêu trên và ảnh hưởng của nó đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Do phương pháp tính giá trị xuất kho vật tư của Công ty chưa phù hợp nên giá vốn, giá trị hàng tồn kho cuối kỳ không phản ánh hợp lý, chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục để đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2016 của Công ty.

Như đã trình bày tại Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình phân Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty áp dụng phi hồi tố việc thay đổi phương pháp khấu hao từ khấu hao theo đường thẳng (năm 2015 trở về trước) thành khấu hao theo sản lượng. Nếu áp dụng nhất quán khấu hao theo đường thẳng thì chi phí khấu hao tăng thêm là 8.794.473.510 đồng, kết quả kinh doanh năm 2016 sẽ giảm với giá trị tương ứng.

Công ty đang thực hiện đàm phán với các ngân hàng về việc cơ cấu lại các khoản vay, trong đó bao gồm việc giảm và xóa một phần lãi vay. Theo đó, công ty không thực hiện ghi nhận chi phí lãi vay năm 2016 vào kết quả kinh doanh trong năm. Tới thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được văn bản chính thức nào từ phía ngân hàng về vấn đề này. Theo ước tính của Kiểm toán viên, chi phí lãi vay cần ghi nhận là 11.541.988.871 đồng vào kết quả kinh doanh năm 2016.

Ý kiến ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của Ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh Hoạt động liên tục tại Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại thời điểm 31/12/2016, công ty đã ngừng các hoạt động chính, giảm phần lớn số lượng lao động, kết quả kinh doanh trong năm lỗ 22,26 tỷ đồng (năm 2015 lỗ 22,82 tỷ đồng), lỗ lũy kế vượt quá vốn chủ sở hữu hơn 10 lần, nợ ngắn hạn cao hơn tài sản ngắn hạn 160 tỷ đồng ảnh hưởng lớn đến khả năng thanh toán của Công ty. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động của Công ty. Báo cáo tài chính vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục do Ban giám đốc tin tưởng vào các kế hoạch tái cơ cấu giúp công ty tiếp tục hoạt động.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên khác. Kiểm toán viên này đã phát hành báo cáo kiểm toán ngày 17 tháng 3 năm 2016 với Ý kiến ngoại trừ do không phân bổ chi phí lãi vay, khấu hao, chi phí sửa chữa,... vào kết quả kinh doanh. Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố trong năm.



Phan Thanh Nam
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2015-137-1
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.
Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2017

Lê Thị Thanh Vân
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2723-2015-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND (trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		13.594.258.626	41.321.693.145
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	546.089.661	4.549.383.678
1. Tiền	111		546.089.661	4.549.383.678
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.399.287.147	30.619.906.761
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	10.959.604.839	16.491.266.775
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		393.680.559	470.173.575
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	8.554.527.349	25.166.992.011
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(11.508.525.600)	(11.508.525.600)
IV. Hàng tồn kho	140		4.616.883.858	6.120.404.746
1. Hàng tồn kho	141	5.5	4.616.883.858	6.120.404.746
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31.997.960	31.997.960
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		31.997.960	31.997.960
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		63.564.388.589	65.497.462.536
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		61.950.000	61.950.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.2	1.799.240.521	1.799.240.521
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	61.950.000	61.950.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	5.4	(1.799.240.521)	(1.799.240.521)
II. Tài sản cố định	220		63.355.379.412	64.615.732.743
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	63.337.770.697	64.595.790.697
- Nguyên giá	222		155.041.398.929	155.041.398.929
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(91.703.628.232)	(90.445.608.232)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	17.608.715	19.942.046
- Nguyên giá	228		367.987.883	367.987.883
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(350.379.168)	(348.045.837)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		147.059.177	147.059.177
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		147.059.177	147.059.177
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	672.720.616
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	672.720.616
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		77.158.647.215	106.819.155.681

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND (trình bày lại)
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		216.608.360.555	245.332.212.315
I. Nợ ngắn hạn	310		162.849.913.139	176.573.764.899
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	13.456.455.247	18.418.025.799
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		212.537.500	614.441.840
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	4.293.017.133	3.152.326.636
4. Phải trả người lao động	314		192.010.108	46.925.210
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.10	2.915.271.483	2.853.837.082
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	5.10	40.743.811.395	58.416.377.443
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	49.181.368.665	52.034.269.256
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	51.855.441.608	41.037.561.633
II. Nợ dài hạn	330		53.758.447.416	68.758.447.416
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	53.758.447.416	68.758.447.416
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(139.449.713.340)	(138.513.056.634)
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.13	(139.392.548.292)	(137.460.472.759)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.408.773.482	13.408.773.482
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.408.773.482	13.408.773.482
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		557.613.600	557.613.600
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(153.358.935.374)	(151.426.859.841)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(151.426.859.841)	(128.608.238.954)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.932.075.533)	(22.818.620.887)
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(57.165.048)	(1.052.583.875)
1. Nguồn kinh phí	432		(57.165.048)	(1.052.583.875)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		77.158.647.215	106.819.155.681

Hà Nam, ngày 07 tháng 4 năm 2017

Người lập



Nguyễn Anh Dũng

Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Dũng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đình Công

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND (trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.14	26.622.488.539	44.110.964.954
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		26.622.488.539	44.110.964.954
4. Giá vốn hàng bán	11	5.15	26.503.640.636	51.822.307.808
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		118.847.903	(7.711.342.854)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	159.374.168	4.802.875
7. Chi phí tài chính	22	5.17	62.525.635	12.667.341.723
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		57.026.659	12.646.326.443
8. Chi phí bán hàng	25	5.18	67.800.000	40.374.560
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.18	2.067.778.362	2.720.614.352
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(1.919.881.926)	(23.134.870.614)
11. Thu nhập khác	31	5.19	49.664.900	316.249.727
12. Chi phí khác	32	5.19	61.858.507	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(12.193.607)	316.249.727
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(1.932.075.533)	(22.818.620.887)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(1.932.075.533)	(22.818.620.887)

Hà Nam, ngày 07 tháng 4 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Dũng

Nguyễn Anh Dũng

Nguyễn Đình Công

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

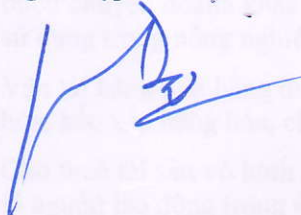
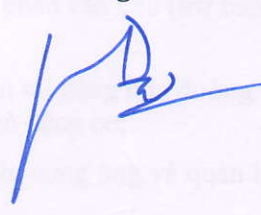
CHỈ TIÊU	MS	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	29.771.988.924	32.184.699.211
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(30.539.791.450)	(29.977.356.685)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.415.010.449)	(2.622.293.287)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.478.306.185	7.021.311.256
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(3.537.697.612)	(5.211.489.799)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.242.204.402)	1.394.870.696
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	159.374.168	4.802.875
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	159.374.168	4.802.875
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	2.850.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.920.463.783)	(24.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.920.463.783)	2.826.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(4.003.294.017)	4.225.673.571
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.549.383.678	323.710.107
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	546.089.661	4.549.383.678

Hà Nam, ngày 07 tháng 4 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Anh Dũng

Nguyễn Anh Dũng

Nguyễn Đình Công

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thành An 77 (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ xí nghiệp Xi măng 77 theo quyết định số 153/2004/QĐ-BQP ngày 23 tháng 11 năm 2004 của Bộ Quốc Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0700100257, đăng ký lần đầu ngày 05/03/2008, sửa đổi lần 08 ngày 05/05/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp.

Trụ sở đăng ký của Công ty đặt tại: Xã Liên Sơn, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 08 ngày 05/05/2015 là: 13.409.000.000 VND, vốn thực góp là 13.408.773.482 VND.

Cơ cấu sở hữu vốn tại 31/12/2016:

Vốn góp của nhà nước	6.838.470.000 VND	51%
Vốn góp của cổ động khác	6.577.193.482 VND	49%

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 8 ngày 05/05/2015 gồm:

- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và sản phẩm liên quan;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Cung ứng lao động tạm thời; hoạt động hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao; cắt tạo dướng và hoàn thiện đá; xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích;
- Đại lý, môi giới, đấu giá; bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác, bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng miếng); bán buôn vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa; bốc xếp hàng hóa; cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính; cung ứng và quản lý nguồn lao động (cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước)

1.3. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có Giấy báo có.

Các khoản tương đương tiền: là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán).
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

b. Phương pháp khấu hao

Trong năm 2016, tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2016 (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	04 - 20
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Năm 2016, do công ty thu hẹp quy mô, sản xuất sản lượng thấp, tài sản cố định không sử dụng hết công suất. Theo đó, Công ty quyết định tính khấu hao tài sản cố định theo sản lượng sản xuất với đơn giá khấu hao là 60.000 đ/tấn thành phẩm. Trong năm sản lượng là 20.967 tấn xi măng, chi phí khấu hao tương ứng là 1.258.020.000 đồng. Việc thay đổi Phương pháp tính khấu hao này công ty áp dụng phi hồi tố.

Nếu Công ty tiếp tục áp dụng Phương pháp khấu hao theo đường thẳng với thời gian khấu hao tương tự như năm 2015 thì chi phí khấu hao sẽ là 10.052.493.510 đồng, cao hơn so với Phương pháp khấu hao theo sản lượng là 8.794.473.510 đồng. Kết quả kinh doanh năm 2016 sẽ giảm với giá trị tương ứng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm (với công cụ dụng cụ xuất dùng).

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong năm kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Đối với hoạt động sản xuất và thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu (Tiếp theo)

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.

Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính : ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các Công ty con, Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Hoạt động liên tục

Tại thời điểm 31/12/2016, công ty đã ngừng các hoạt động chính, giảm phần lớn số lượng lao động, kết quả kinh doanh trong năm lỗ 22,26 tỷ đồng (năm 2015 lỗ 22,82 tỷ đồng), lỗ lũy kế vượt quá vốn chủ sở hữu hơn 10 lần, nợ ngắn hạn cao hơn tài sản ngắn hạn 160 tỷ đồng ảnh hưởng lớn đến khả năng thanh toán của Công ty. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động của Công ty. Báo cáo tài chính vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục do Ban giám đốc tin tưởng vào các kế hoạch tái cơ cấu được trình bày dưới đây tiếp tục giúp công ty hoạt động. Cụ thể:

Như đã trình bày tại thuyết minh số 6.1 - Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ, Cổ đông nhà nước chiếm tỷ lệ kiểm soát 51% tại Công ty là Tổng Công ty Thành An đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn của mình cho nhà đầu tư tư nhân là Công ty Cổ phần Fujisan Việt Nam, một doanh nghiệp có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực xi măng.

Tới thời điểm lập báo cáo này, Công ty Cổ phần Fujisan Việt Nam đã tiếp quản tư cách cổ đông của Tổng Công ty Thành An và đang thực hiện các hoạt động tái cơ cấu đối với Công ty Cổ phần Thành An 77.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Điều chỉnh hồi tố

Trong năm, Công ty quyết định thực hiện điều chỉnh hồi tố các sai sót liên quan đến việc không phân bổ chi phí lãi vay, chi phí khấu hao, chi phí dự phòng phát sinh vào kết quả kinh doanh các năm. Việc điều chỉnh hồi tố tuân thủ theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 – Thay đổi Chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót, các sai sót được điều chỉnh vào đầu kỳ của số liệu so sánh. Cụ thể:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Tại 31/12/2015	Điều chỉnh	Tại 01/01/2016
			Trình bày lại
Phải thu khác ngắn hạn	59.790.972.923	(35.901.668.464)	23.889.304.459
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(11.508.525.600)	(11.508.525.600)
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	(1.799.240.521)	(1.799.240.521)
Xây dựng cơ bản	1.680.585.178	(1.533.526.001)	147.059.177
Chi phí trả trước dài hạn	76.809.355.134	(76.136.634.518)	672.720.616
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế năm trước	(24.547.264.737)	(126.879.595.104)	(151.426.859.841)
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH	Năm 2015	Điều chỉnh	Năm 2015
			Trình bày lại
Giá vốn bán hàng hóa	43.013.259.752	8.809.048.056	51.822.307.808
Lãi tiền vay	222.547.588	12.423.778.855	12.646.326.443
Lợi nhuận sau thuế	(1.585.793.976)	(21.232.826.911)	(22.818.620.887)

Kết quả kinh doanh năm 2015 được điều chỉnh bằng việc ghi nhận thêm chi phí khấu hao vào giá vốn và chi phí lãi vay.

Các khoản mục điều chỉnh khác liên quan đến sai sót chưa phân bổ chi phí được điều chỉnh vào Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND (trình bày lại)
Tiền mặt	87.032.226	476.856.000
Tiền gửi ngân hàng	459.057.435	4.072.527.678
Tổng	546.089.661	4.549.383.678

5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND (trình bày lại)
Phải thu khách hàng ngắn hạn	10.959.604.839	16.491.266.775
<i>Trong đó</i>		
Phải thu các bên liên quan ngắn hạn	2.708.590.000	2.658.974.800
XN Xây dựng 51 - Cty CPĐT&XL Thành An 665	1.965.800.000	1.965.800.000
Ban DA 11S - Tổng Công ty Thành An	742.790.000	450.830.000
Ban DA 11E - Tổng Công ty Thành An	-	242.344.800
Phải thu các khách hàng ngắn hạn khác	8.251.014.839	13.832.291.975
Khách hàng của các trung tâm	3.929.065.840	5.235.790.082
Cửa hàng VLXD Xuân Lương	1.358.429.000	1.358.429.000
Tổng Công ty 789 - BQP	8.500.000	784.869.000
Công ty CP XD&VLXD THK	-	2.703.143.300
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	2.955.019.999	3.750.060.593
Phải thu khách hàng dài hạn	1.799.240.521	1.799.240.521
Đầu hàng đ/c Lộc - TT63	624.097.258	624.097.258
CN Cty TNHH TM&XD Bắc TL tại Hà Nam	218.255.000	218.255.000
Đầu hàng đ/c Sơn - TT63	512.613.198	512.613.198
Khách hàng khác	444.275.065	444.275.065
Tổng	12.758.845.360	18.290.507.296

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.3 Phải thu ngắn hạn khác*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	8.554.527.349	3.631.153.970	25.166.992.011	3.631.153.970
Tạm ứng	1.253.529.653	1.120.946.499	1.277.687.552	1.120.946.499
Nguyễn Bá Uyên	3.727.491.625	1.118.247.488	1.837.957.606	1.118.247.488
50% chi phí chung BQLDA	403.735.758	-	403.735.758	-
Chi phí tiếp khách	-	-	-	-
Các khoản khác	3.169.770.313	1.391.959.983	21.647.611.095	1.391.959.983
Phải thu dài hạn khác	61.950.000	-	61.950.000	-
Ký quỹ, ký cược	61.950.000	-	61.950.000	-
Tổng	8.616.477.349	3.631.153.970	25.228.942.011	3.631.153.970

5.4 Nợ xấu

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	15.727.949.073	2.420.182.952	15.727.949.073	2.420.182.952

Trong đó:

	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Các khoản phải thu KH	-	-	-	8.805.313.058
Các khoản phải thu khác	-	-	-	5.123.395.494
Phải thu dài hạn	-	-	-	1.799.240.521

5.5 Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.348.915.426	-	5.786.139.275	-
Công cụ, dụng cụ	1.386.112	-	1.386.112	-
Thành phẩm	266.582.320	-	332.879.359	-
Tổng	4.616.883.858	-	6.120.404.746	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.6 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2016	50.692.213.523	101.568.374.068	2.021.179.575	759.631.763	155.041.398.929
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	50.692.213.523	101.568.374.068	2.021.179.575	759.631.763	155.041.398.929
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2016	30.130.276.343	57.574.910.489	2.021.179.575	719.241.825	90.445.608.232
Tăng trong năm	-	1.258.020.000	-	-	1.258.020.000
Khấu hao trong năm	-	1.258.020.000	-	-	1.258.020.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	30.130.276.343	58.832.930.489	2.021.179.575	719.241.825	91.703.628.232
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2016	20.561.937.180	43.993.463.579	-	40.389.938	64.595.790.697
Tại 31/12/2016	20.561.937.180	42.735.443.579	-	40.389.938	63.337.770.697

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 51.824.719.261 đồng. Phần lớn TSCĐ của Công ty đã được mang đi cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng.

5.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chi phí đầu tư hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2000 và ISO 9002 với nguyên giá 327.987.883 đồng, giá trị còn lại tại 31/12/2016 là 0 đồng; Website với nguyên giá 40.000.000 đồng, giá trị còn lại tại 31/12/2016 là 17.608.715 đồng.

5.8 Phải trả người bán*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	13.456.455.247	-	18.418.025.799	-
Công ty TNHH Trường Hải	1.342.957.100	-	5.359.084.300	-
LILAMA Ninh Bình	1.668.805.689	-	1.668.805.689	-
Công ty KS&TM Hà Tĩnh	1.501.720.700	-	1.501.720.700	-
Công ty CP Than Sông Hồng	1.595.027.560	-	1.754.472.560	-
Phải trả người bán ngắn hạn khác	7.347.944.198	-	8.133.942.550	-
Tổng	13.456.455.247	-	18.418.025.799	-

Khả năng trả nợ của Công ty tùy thuộc vào khả năng thu hồi các khoản công nợ phải thu cũng như việc tái cơ cấu trong thời gian tới.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.9 Thuế và các khoản phải trả nhà nước

	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2016
Phải nộp	3.152.326.636	3.695.318.579	2.554.628.082	4.293.017.133
Thuế giá trị gia tăng	1.709.703.432	2.660.750.837	2.551.148.082	1.819.306.187
Thuế thu nhập doanh nghiệp	609.004.313			609.004.313
Thuế tài nguyên	350.000	360.000	480.000	230.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	290.219.000		290.219.000
Thuế khác	833.268.891	743.988.742	3.000.000	1.574.257.633

5.10 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Khoản tiền quân trang	7.645.272	7.645.272
Chi phí sx đá thành phẩm (1x2) đội đá	83.928.112	83.928.112
Tiền lương nghỉ phép, lễ phép trích trước (các năm)	1.396.097.013	1.396.097.013
Lãi vay phải trả cá nhân	854.531.165	793.096.764
Chi BHLĐ các năm	573.069.921	573.069.921
Tổng	2.915.271.483	2.853.837.082

Phải trả nội bộ

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn	40.743.811.395	58.416.377.443
Tổng Công ty Thành An - Công ty TNHH MTV	40.743.811.395	58.416.377.443
Tổng	40.743.811.395	58.416.377.443

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.11 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND (trình bày lại)
Ngắn hạn	49.181.368.665	52.034.269.256
Kinh phí công đoàn	173.919.117	195.132.551
Bảo hiểm xã hội	185.204.479	385.218.790
Phải trả về cổ phần hóa	47.855	47.855
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	48.822.197.214	51.453.870.060
<i>Xí nghiệp xây lắp và SX vật liệu chịu lửa</i>	<i>390.909.090</i>	<i>390.909.090</i>
<i>Trần Hữu Phúc - Phòng KH</i>	<i>423.453.994</i>	<i>665.208.994</i>
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>711.685.593</i>	<i>711.685.593</i>
<i>Lãi vay NH BIDV Hà Nam</i>	<i>42.826.705.247</i>	<i>42.826.705.247</i>
<i>Lãi vay MB Bank</i>	-	787.738.287
<i>Khoản tiền bằng tài cao su bó thép</i>	-	935.391.999
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>4.469.443.290</i>	<i>5.136.230.850</i>
Tổng	49.181.368.665	52.034.269.256

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN

5.12 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		Phát sinh trong năm			01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (*)	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn và dài hạn đến hạn trả	51.855.441.608	-	15.008.455.000	4.190.575.025	41.037.561.633	5.687.573.508	
Nghân hàng Quốc dân NCB	-	-	8.455.000	2.858.455.000	2.850.000.000	2.850.000.000	
BIDV - Hà Nam	35.349.988.125	-	-	-	35.349.988.125	-	
Vay cá nhân	1.505.453.483	-	-	305.794.845	1.811.248.328	1.811.248.328	
MB Hà Nam	-	-	-	1.026.325.180	1.026.325.180	1.026.325.180	
BIDV Hà Nam - 48282000178714	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-	-	-	
Vay dài hạn	53.758.447.416	-	-	15.000.000.000	68.758.447.416	-	
BIDV Hà Nam - 48282000178714	-	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-	
BIDV Hà Nam - 48282000178769	53.758.447.416	-	-	-	53.758.447.416	-	
Tổng	105.613.889.024	-	15.008.455.000	19.190.575.025	109.796.009.049	5.687.573.508	

(*): Khả năng trả nợ các khoản vay tùy thuộc vào khả năng thu hồi các khoản công nợ cũng như việc tái cơ cấu của cổ đông mới.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN

5.13 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2015 (trình bày lại)	13.408.773.482	557.613.600	(128.608.238.954)	(114.641.851.872)
Lãi/(Lỗ) trong năm	-	-	(22.818.620.887)	(22.818.620.887)
Số dư tại 31/12/2015 (trình bày lại)	13.408.773.482	557.613.600	(151.426.859.841)	(137.460.472.759)
Số dư tại 01/01/2016	13.408.773.482	557.613.600	(151.426.859.841)	(137.460.472.759)
Tăng vốn	-	-	-	-
Lãi(lỗ) trong năm	-	-	(1.932.075.533)	(1.932.075.533)
Số dư tại 31/12/2016	13.408.773.482	557.613.600	(153.358.935.374)	(139.392.548.292)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Vốn nhà nước	6.831.580.000	6.831.580.000
Vốn của Cổ đông khác	6.577.193.482	6.577.193.482
Tổng	13.408.773.482	13.408.773.482

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	13.408.773.482	13.408.773.482
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	13.408.773.482	13.408.773.482
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

5.14 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.622.488.539	44.110.964.954
Tổng	26.622.488.539	44.110.964.954

5.15 Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND (trình bày lại)
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.503.640.636	51.822.307.808
Tổng	26.503.640.636	51.822.307.808

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.16 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND (trình bày lại)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	159.374.168	4.802.875
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Tổng	159.374.168	4.802.875

5.17 Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND (trình bày lại)
Lãi tiền vay	57.026.659	12.646.326.443
Chi phí hoạt động tài chính khác	5.498.976	21.015.280
Tổng	62.525.635	12.667.341.723

5.18 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND (trình bày lại)
Chi phí quản lý	2.067.778.362	2.720.614.352
Chi phí nhân viên quản lý	965.756.599	1.124.746.822
Chi phí vật liệu quản lý	85.000	63.400.500
Chi phí đồ dùng văn phòng	46.960.064	250.503.500
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	82.810.512
Thuế phí và lệ phí	253.134.979	130.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	441.204.588	866.210.368
Chi phí bằng tiền khác-	292.837.132	332.812.650
Chi phí bán hàng	67.800.000	40.374.560
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	38.374.560
Chi phí bằng tiền khác	67.800.000	2.000.000
Tổng	2.135.578.362	2.760.988.912

5.19 Thu nhập khác, Chi phí khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND (trình bày lại)
Thu nhập khác		
Thoái thu BHXH, BHYTN	-	307.727.562
Thu nhập khác	49.664.900	8.522.165
Tổng	49.664.900	316.249.727
Chi phí khác		
Chi phí khác	61.858.507	-
Tổng	61.858.507	-
Thu nhập khác/chi phí khác (thuận)	(12.193.607)	316.249.727

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Tháng 2 năm 2017, Công ty Cổ phần Fujisan Việt Nam đã mua lại toàn bộ phần vốn nhà nước của Tổng Công ty Thành An – Công ty TNHH MTV tại công ty Cổ phần Thành An 77. Công ty Cổ phần Fujisan trở thành cổ đông lớn chiếm 51% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Thành An 77.

6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là thông tin trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác với ý kiến Kiểm toán ngoại trừ và trình bày lại theo Thuyết minh – Điều chỉnh hồi tố phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Hà Nam, ngày 07 tháng 4 năm 2017

Người lập

Nguyễn Anh Dũng

Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Dũng



Nguyễn Đình Công

